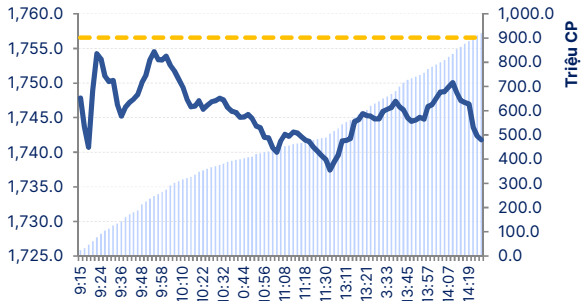


Phiên giao dịch ngày: 9/4/2026

| Thông kê thị trường | HOSE          | HNX        |
|---------------------|---------------|------------|
| Index               | 1,736.68      | 250.98     |
| % Thay đổi Index    | ↓ -1.13%      | ↓ -0.92%   |
| KLGD (CP)           | 1,064,621,939 | 83,114,675 |
| GTGD (tỷ đồng)      | 28,925.59     | 1,525.00   |
| % Thay đổi GTGD     | -17.32%       | -23.13%    |

**Diễn biến VN-INDEX**

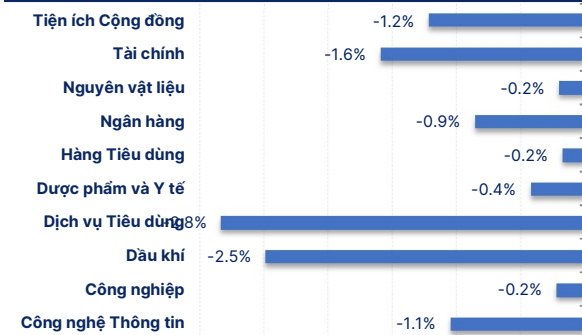


**Top Giao dịch NĐTNN HOSE (Tỷ đồng)**

|     |             |      |       |
|-----|-------------|------|-------|
| VPL | -3005.37 tỷ | TCB  | 68... |
| HPG | 482.52 tỷ   | DX   | 58... |
| VHM |             | D... |       |
| BID |             | STB  |       |
|     |             | PVD  |       |
|     |             | DGC  |       |
|     |             | NLG  |       |

**GT Bán: -5195.23**      **2700.97 : GT Mua**

**Biến động nhóm ngành**



**Phân Tích Kỹ Thuật VN-INDEX**



**DIỄN BIẾN CHIẾN LƯỢC THỊ TRƯỜNG**

Sau phiên giao dịch tăng điểm mạnh trước nhiều thông tin tích cực, thị trường chung đã chịu áp lực điều chỉnh trong phiên hôm nay khi VNINDEX gặp vùng kháng cự mạnh. VNINDEX tăng điểm nhẹ đầu phiên hướng đến vùng giá quanh 1.750 điểm. Đây là vùng giá cao nhất phiên giảm mạnh ngày 09/03/2026 và chịu áp lực điều chỉnh. Kết phiên VNINDEX giảm 19,87 điểm (-1,13%) về mức 1.736,56 điểm, trên vùng hỗ trợ tâm lý 1.700 điểm. VN30 giảm 16,00 điểm (-0,83%) về mức 1.915,01 điểm, trên hỗ trợ 1.900 điểm.

Độ rộng trên HOSE nghiêng về điều chỉnh sau phiên tăng mạnh đột biến với 191 mã giảm giá. Áp lực điều chỉnh ở các nhóm mã đã tăng mạnh hôm qua như chứng khoán, ngân hàng, công nghệ, viễn thông.. tiếp tục chịu áp lực điều chỉnh ở nhóm năng lượng. Trong khi giao dịch khá đột biến ở các mã xây dựng, bất động sản, thép... phục hồi ở nhóm khu công nghiệp với 124 mã tăng giá và 26 mã giữ giá tham chiếu. Thanh khoản thị trường giảm sau phiên đột biến, khối lượng giao dịch lệnh trên HOSE giảm -16,2% so với phiên trước. Cho thấy dòng tiền, lực cầu vẫn gia tăng tốt ở các mã bất động sản vốn hóa trung bình nhỏ, xây dựng, vật liệu xây dựng trước thông tin quốc hội sẽ thảo luận về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030. Khối ngoại gia tăng bán ròng mạnh trong phiên hôm nay với giá trị -2.494 tỉ đồng trên HOSE.

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn 411G4000 kết phiên ở mức 1.921,7 điểm, giảm -1,05% so với phiên trước. Chênh lệch dương 6,69 điểm so với VN30. Các kỳ hạn 411G5000, 411G6000, 411G9000 chênh lệch dương từ 4,99 điểm đến 10,29 điểm. Tổng khối lượng hợp đồng giao dịch giảm -10,3% so với phiên trước. Cho thấy các vị thế giao dịch giảm trong phiên. Các trader vẫn lạc quan về xu hướng của VN30 trong ngắn hạn. Xu hướng ngắn hạn 411G4000 đang chịu áp lực bán ở vùng kháng cự quanh 1.950 điểm. Khối lượng mở OI kỳ hạn 411G4000 là 38.990, tăng nhẹ các vị thế nắm giữ.

Xu hướng ngắn hạn của VNINDEX đang tích lũy tích cực trong biên độ hẹp với vùng hỗ trợ quanh 1.680 điểm, tương ứng vùng giá trung bình 200 phiên, dưới vùng kháng cự quanh 1.750 điểm. Đây là vùng kháng cự mạnh tương ứng vùng giá thấp nhất tháng 2/2026 cũng như vùng giá cao nhất phiên giảm mạnh đột biến ngày 09/03/2026. Cần động lực rất lớn về cơ bản mới có thể kỳ vọng vượt lên vùng kháng cự này. Ngắn hạn VNINDEX chịu áp lực kiểm định lại vùng hỗ trợ gần nhất 1.700 điểm - 1.720 điểm.

Xu hướng chung của thị trường đang cải thiện và tích lũy tích cực trở lại sau giai đoạn suy giảm, phục hồi. Hiện tại tổng vốn hóa toàn thị trường khoảng 400 tỉ USD, tương ứng khoảng 78% GDP 2025. Đây không phải là vùng quá hấp dẫn của thị trường trong bối cảnh áp lực lạm phát vẫn lớn trong khi giá dầu thế giới vẫn neo cao, do kể cả khi eo biển Hormuz trở lại bình thường thì cũng cần nhiều thời gian để nguồn cung quay trở lại trước thời điểm xảy ra xung đột. Do đó nhà đầu tư có thể xem xét các cơ hội gia tăng tỉ trọng trong giai đoạn những áp lực địa chính trị hạ nhiệt, dựa trên kỳ vọng thị trường nâng hạng và kết quả kinh doanh quý I/2026, nhưng chỉ nên xem xét mua ở vùng giá hỗ trợ thấp khi thị trường điều chỉnh.

Nhà đầu tư duy trì tỉ trọng hợp lý. Mục tiêu đầu tư hướng tới các mã nền tảng cơ bản tốt, đầu ngành trong các ngành chiến lược, tăng trưởng vượt trội của nền kinh tế.

## DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DỐI

| Mã  | Giá hiện tại<br>(1.000đ) | Vùng mua<br>dự kiến<br>(1.000 đ) | Giá mục tiêu<br>(1.000 đ) | Giá dừng lỗ<br>(1.000đ) | Thông số cơ bản |                       |                       | Giao dịch          |
|-----|--------------------------|----------------------------------|---------------------------|-------------------------|-----------------|-----------------------|-----------------------|--------------------|
|     |                          |                                  |                           |                         | P/E             | T.trưởng<br>Doanh thu | T.trưởng Lợi<br>nhuận |                    |
| PVT | 21.70                    | 23-24                            | 29-30                     | 21                      | 9.8             | 36.0%                 | 27.2%                 | Theo dõi giao dịch |
| GEG | 15.25                    | 14.5-15.5                        | 20-21                     | 13.5                    | 9.2             | 6.3%                  | 168.8%                | Theo dõi giao dịch |
| FRT | 150.00                   | 140-145                          | 170-175                   | 139                     | 32.1            | 30.3%                 | 160.6%                | Theo dõi giao dịch |
| PAN | 32.30                    | 29-30                            | 34-35                     | 27                      | 10.0            | 0.9%                  | 9.7%                  | Theo dõi giao dịch |
| PTB | 49.55                    | 48-49                            | 58-60                     | 46                      | 6.8             | 8.0%                  | 37.8%                 | Theo dõi giao dịch |
| BID | 40.60                    | 40-41.5                          | 48-50                     | 38                      | 9.5             | 18.9%                 | 46.1%                 | Theo dõi giao dịch |
| MSB | 12.10                    | 11.6-12                          | 13.5-14                   | 11                      | 6.7             | 18.4%                 | 14.5%                 | Theo dõi giao dịch |

## BẢNG ĐỊNH LƯỢNG TƯƠNG QUAN CÁC NHÓM NGÀNH

| Xu Hướng                        | Thông Số | Bất Động Sản      | Cảng- Vận tải   | Cao Su TN        | Chứng Khoán     | Công Nghệ-Viện Thông | Dầu Khí         | Dệt May-Da Giày    | Khu Công Nghiệp |
|---------------------------------|----------|-------------------|-----------------|------------------|-----------------|----------------------|-----------------|--------------------|-----------------|
| Trung dài hạn                   |          | Tang Truong       | Tang Truong     | Tang Truong      | Điều Chỉnh      | Điều Chỉnh           | Tang Truong     | Tích Luy           | Tang Truong     |
| Ngắn trung hạn                  |          | Tích Luy          | Tích Luy        | Tích Luy         | Tích Luy        | Tích Luy             | Suy Giảm        | Suy Giảm           | Phục Hồi        |
| Dòng tiền trung hạn             |          | Am_Tang           | Duong_Giam      | Am_Giam          | Am_Tang         | Am_Giam              | Am_Giam         | Am_Giam            | Am_Giam         |
| Hệ số VIX (normal - 200 > +200) |          | -187.5            | 174.9           | -126.4           | -160.6          | -209.4               | 315.3           | 267.8              | -157.4          |
| Tương quan-VNINDEX              |          | Yếu hơn-Mạnh hơn  | Yếu hơn-Kém hơn | Yếu hơn-Kém hơn  | Yếu hơn-Kém hơn | Yếu hơn-Kém hơn      | Yếu hơn-Kém hơn | Yếu hơn-Kém hơn    | Yếu hơn-Kém hơn |
| Cổ phiếu TOP                    |          | VHM<br>NVL        | DXP<br>VSC      | PHR<br>DPR       | BMS<br>HCM      | FOX<br>VGI           | DCM<br>MTS      | BMG<br>NTT         | PHR<br>IDC      |
| Xu Hướng                        | Thông Số | Bảo Hiểm          | Bán Lẻ          | Thép             | Thủy Sản        | Xây Dựng-VLXD        | Ngân Hàng       | Phân Bón-Hóa Chất  | Hàng Không      |
| Trung dài hạn                   |          | Tang Truong       | Tích Luy        | Tang Truong      | Phục Hồi        | Tích Luy             | Tang Truong     | Tích Luy           | Tích Luy        |
| Ngắn trung hạn                  |          | Tích Luy          | Phục Hồi        | Tang Truong      | Phục Hồi        | Tích Luy             | Tích Luy        | Tích Luy           | Tích Luy        |
| Dòng tiền trung hạn             |          | Duong_Giam        | Am_Giam         | Tích Luy         | Tích Luy        | Am_Tang              | Tích Luy        | Duong_Giam         | Am_Giam         |
| Hệ số VIX (normal - 200 > +200) |          | -36.8             | -170.9          | -179.7           | -22.9           | -150.1               | -85.9           | 306.2              | -90.3           |
| Tương quan-VNINDEX              |          | Yếu hơn-Mạnh hơn  | Yếu hơn-Kém hơn | Tốt hơn-Mạnh hơn | Tốt hơn-Kém hơn | Tốt hơn-Kém hơn      | Yếu hơn-Kém hơn | Yếu hơn-Kém hơn    | Yếu hơn-Kém hơn |
| Cổ phiếu TOP                    |          | BVH<br>PRE        | PET<br>PSD      | HPG<br>TVN       | SEA<br>VHC      | PC1<br>CTD           | VBB<br>STB      | DHB<br>DCM         | SAS<br>VJC      |
| Xu Hướng                        | Thông Số | Điện              | Nông Nghiệp     | Dược             | VNIndex         | VN30                 | HNXIndex        | UPCOM              | % Ngành tăng    |
| Trung dài hạn                   |          | Tang Truong       | Tích Luy        | Tang Truong      | Tang Truong     | Tang Truong          | Tích Luy        | Tang Truong        | 57              |
| Ngắn trung hạn                  |          | Tích Luy          | Phục Hồi        | Suy Giảm         | Tích Luy        | Tích Luy             | Tích Luy        | Tang Truong        | 9               |
| Dòng tiền trung hạn             |          | Tích Luy          | Am_Giam         | Tích Luy         | Tích Luy        | Am_Giam              | Am_Tang         | Am_Giam            | 13              |
| Hệ số VIX (normal - 200 > +200) |          | -267.3            | -145.3          | 79.9             | -149.1          | -147.1               | -227.5          | -220.2             | 17              |
| Tương quan-VNINDEX              |          | Không đổi-Kém hơn | Yếu hơn-Kém hơn | Tốt hơn-Kém hơn  | 52              | Yếu hơn-Kém hơn      | Yếu hơn-Kém hơn | Không đổi-Mạnh hơn |                 |
| Cổ phiếu TOP                    |          | TTA<br>PC1        | NAF<br>PAN      | VDP<br>PPP       |                 |                      |                 |                    |                 |

## TIN NỔI BẬT

Quốc hội đã biểu quyết thông qua các Nghị quyết về phê chuẩn việc bổ nhiệm Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và thành viên khác của Chính phủ nhiệm kỳ 2026-2031. Bộ máy Chính phủ nhiệm kỳ 2026-2031 có 17 bộ trưởng, trưởng ngành.

### Chân dung 17 tư lệnh ngành trong bộ máy Chính phủ vừa được phê chuẩn

Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Phan Văn Giang. Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Công an Lương Tam Quang. Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Lê Hoài Trung. Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Đỗ Thanh Bình. Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Tư pháp Hoàng Thanh Tùng. Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Tài chính Ngô Văn Tuấn. Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Công Thương Lê Mạnh Hùng. Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Trịnh Việt Hùng. Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trần Hồng Minh. Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Lâm Thị Phương Thanh. Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Vũ Hải Quân. Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Hoàng Minh Sơn. Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Y tế Đào Hồng Lan. Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo Nguyễn Đình Khang. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Phạm Đức Ấn. Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng Thanh tra Chính phủ Nguyễn Quốc Đoàn. Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ Bộ trưởng, Chủ nhiệm VPCP Đặng Xuân Phong

Công ty TNHH MTV Vận hành hệ thống điện và thị trường điện quốc gia (NSMO) cho biết, ngày 7/4, nắng nóng gay gắt diễn ra trên diện rộng. Sản lượng điện toàn quốc đạt 1.078 triệu kWh, tăng 15,2% so với cùng kỳ 2025; trong đó miền Bắc tiêu thụ 501 triệu kWh, miền Trung 106 triệu kWh và miền Nam 467 triệu kWh.

### Sản lượng điện mặt trời mái nhà gây bất ngờ, vượt mặt điện gió

Về cơ cấu nguồn cung điện phát trong ngày gồm: thủy điện đạt 187,5 triệu kWh (17,4%); nhiệt điện than đạt 626,6 triệu kWh (58,1%); tuabin khí đạt 102,9 triệu kWh (9,6%). Điện sinh khối 5,2 triệu kWh (0,5%), điện gió đạt 38,3 triệu kWh (3,6%); điện mặt trời đạt 56,9 triệu kWh (5,3%), nguồn khác đạt 9,5 triệu kWh (0,9%). Đáng chú ý, nguồn cung từ điện mặt trời mái nhà đầu cực ước tính lên tới 50,8 triệu kWh, chiếm 4,7% trong tổng nguồn điện phát trong ngày 7/4. Theo đó, điện mặt trời mái nhà vượt qua điện gió, điện sinh khối để trở thành nguồn cung điện lớn thứ 5 ở nước ta.

Nghị quyết phê chuẩn bổ nhiệm các thành viên Chính phủ nhiệm kỳ mới được Quốc hội thông qua trong phiên làm việc sáng 8/4. Trong đó, ông Ngô Văn Tuấn được Quốc hội phê chuẩn giữ chức Bộ trưởng Bộ Tài chính nhiệm kỳ 2026-2031.

### Ông Ngô Văn Tuấn giữ chức Bộ trưởng Tài chính nhiệm kỳ 2026-2031

Ông Ngô Văn Tuấn sinh năm 1971; quê tỉnh Bắc Ninh; trình độ chuyên môn thạc sĩ Kinh tế. Ông là Ủy viên Trung ương Đảng khóa XIII, XIV; đại biểu Quốc hội khóa XV, XVI. Ông trưởng thành từ Bộ Tài chính, từng giữ các vị trí như Phó phòng, Vụ Chính sách tài chính; Trưởng phòng Thư ký Văn phòng Bộ; Phó chánh Văn phòng Bộ; Vụ trưởng Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính.

Nghị quyết phê chuẩn bổ nhiệm các thành viên Chính phủ nhiệm kỳ mới được Quốc hội thông qua trong phiên làm việc sáng 8/4. Trong đó ông Phạm Đức Ấn được phê chuẩn giữ chức Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

### Ông Phạm Đức Ấn làm Thống đốc NHNN nhiệm kỳ 2026-2031

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Phạm Đức Ấn 56 tuổi, quê Nghệ An; thạc sĩ Quản trị kinh doanh, cử nhân Luật kinh tế, cử nhân Tài chính-Ngân hàng; Ủy viên Trung ương Đảng khóa XIV. Ông từng giữ nhiều vị trí như Giám đốc Ban Pháp chế, Giám đốc Chi nhánh Hưng Yên, Phó tổng giám đốc, Tổng giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam; Tổng giám đốc Ngân hàng liên doanh Việt-Nga; Chủ tịch Hội đồng thành viên Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam; Chánh Văn phòng Ngân hàng Nhà nước; Chủ tịch Hiệp hội Ngân hàng

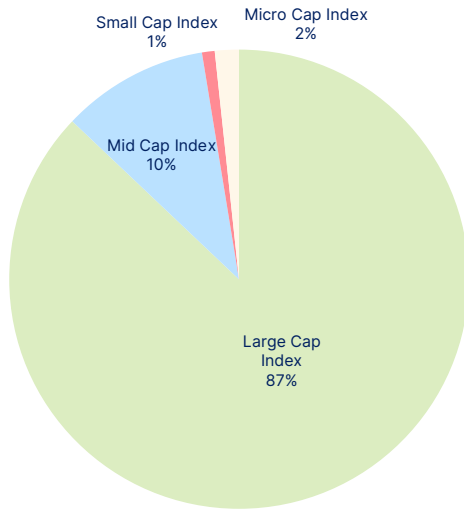
### Mỹ áp thuế 50% đối với hàng hóa của các nước cấp vũ khí cho Iran

Ngày 8/4, viết trên mạng xã hội Truth Social, Tổng thống Trump nêu rõ: "Quốc gia cung cấp vũ khí quân sự cho Iran sẽ lập tức bị áp thuế 50% đối với bất kỳ và tất cả hàng hóa bán cho Mỹ. Quyết định có hiệu lực ngay lập tức. Sẽ không có ngoại lệ hay miễn trừ."

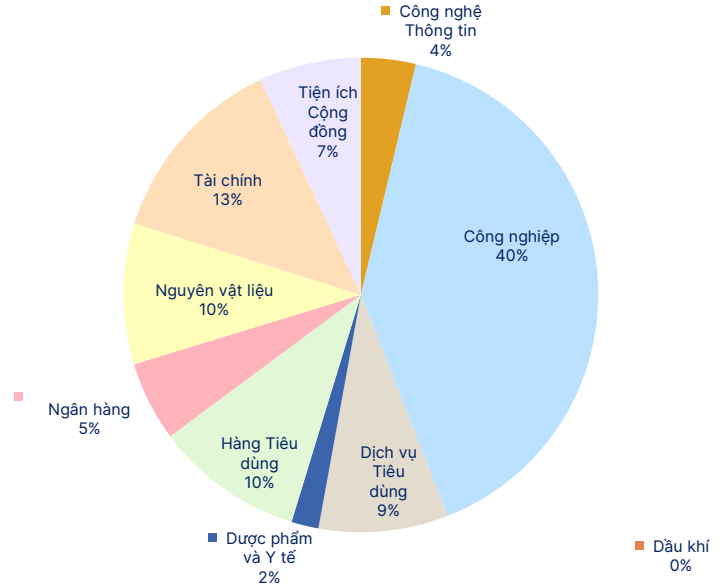
Trong khi đó, nhà lãnh đạo Mỹ cũng cho biết nước này có ý định xây dựng quan hệ hợp tác chặt chẽ với Iran, mà ông cho rằng Iran "đã trải qua một cuộc thay đổi chế độ rất hiệu quả," đồng thời tuyên bố sẽ không có hoạt động làm giàu urani.

## CHỈ SỐ TÀI CHÍNH HOSE

Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm ngành



Top vốn hóa

| Mã  | KLGD      | ROE   | EPS    | P/E  | P/B |
|-----|-----------|-------|--------|------|-----|
| VIC | 1,182,105 | 7.4%  | 1,468  | 97.7 | 7.3 |
| VHM | 505,212   | 17.8% | 10,200 | 11.3 | 1.9 |
| VCB | 503,012   | 16.7% | 4,210  | 13.8 | 2.2 |
| BID | 301,759   | 18.8% | 4,264  | 9.2  | 1.6 |
| CTG | 275,727   | 21.1% | 4,455  | 7.6  | 1.5 |

Top KLGD lớn nhất

| Mã  | KLGD        | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|-------------|-------|-------|------|-----|
| SHB | 102,010,674 | 19.0% | 2,603 | 5.6  | 1.0 |
| NVL | 81,817,464  | 3.3%  | 884   | 16.7 | 0.6 |
| VIX | 58,724,577  | 28.9% | 3,354 | 5.1  | 1.3 |
| HPG | 52,116,998  | 12.6% | 2,013 | 13.3 | 1.6 |
| DXG | 39,892,597  | 1.3%  | 230   | 60.3 | 0.7 |

Top 5 cổ phiếu tăng giá

| Mã       | +/-%   | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|----------|--------|-------|-------|------|-----|
| EVG      | ↑ 7.0% | 2.7%  | 361   | 17.3 | 0.5 |
| SJS      | ↑ 6.9% | 11.2% | 1,217 | 40.3 | 4.2 |
| DAH      | ↑ 6.7% | -8.0% | (840) | -    | 0.3 |
| QCG      | ↑ 6.7% | 3.7%  | 623   | 21.2 | 0.8 |
| FUEIP100 | ↑ 6.7% | N/A   | N/A   | N/A  | N/A |

Top 5 cổ phiếu giảm giá

| Mã  | +/-%    | ROE   | EPS   | P/E   | P/B |
|-----|---------|-------|-------|-------|-----|
| SMA | ↓ -6.5% | 5.4%  | 644   | 13.2  | 0.7 |
| PLP | ↓ -6.4% | 3.2%  | 411   | 12.9  | 0.5 |
| VPL | ↓ -5.9% | 3.2%  | 615   | 133.3 | 4.0 |
| DGC | ↓ -4.7% | 20.8% | 7,965 | 6.8   | 1.3 |
| BVH | ↓ -4.4% | 0.3%  | 114   | 698.1 | 2.3 |

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng

| Mã  | KL mua     | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|------------|-------|-------|------|-----|
| HPG | 17,135,935 | 12.6% | 2,013 | 13.3 | 1.6 |
| DXG | 3,803,563  | 1.3%  | 230   | 60.3 | 0.7 |
| VIX | 3,764,004  | 28.9% | 3,354 | 5.1  | 1.3 |
| NVL | 3,740,636  | 3.3%  | 884   | 16.7 | 0.6 |
| TCB | 2,188,030  | 15.4% | 3,577 | 8.0  | 1.1 |

Top KLGD NĐT nước ngoài bán ròng

| Mã  | KL bán       | ROE   | EPS   | P/E   | P/B |
|-----|--------------|-------|-------|-------|-----|
| VPL | (36,826,800) | 3.2%  | 615   | 133.3 | 4.0 |
| BID | (2,158,589)  | 18.8% | 4,264 | 9.2   | 1.6 |
| BSR | (1,804,495)  | 9.0%  | 1,041 | 24.2  | 2.1 |
| SSI | (1,714,800)  | 13.9% | 1,966 | 14.0  | 1.8 |
| PVD | (1,230,000)  | 6.3%  | 1,864 | 17.3  | 1.0 |

**Website:** [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung:

**Trưởng BP Chiến lược Thị trường**

**Phan Tân Nhật**

[Nhat.pt@shs.com.vn](mailto:Nhat.pt@shs.com.vn)

**Vĩ Mô**

**Chuyên viên: Vũ Tuấn Duy**

[Duy.vt@shs.com.vn](mailto:Duy.vt@shs.com.vn)

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

---

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

**Trung Tâm Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

**Trụ sở chính tại Hà Nội**

Số 43 Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, Tp. Hà Nội  
Tel: (84-24)-3818 1888  
Fax: (84-24)-3818 1688.  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

**Chi nhánh Hà Nội**

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền, Phường Cửa Nam, Tp. Hà Nội  
Tel: (84-24)-3818 1888  
Fax: (84-24)-3818 1688.  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

**Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 6, Cao ốc văn phòng HDTC, số 36 Bùi Thị Xuân, P. Bến Thành, TP.HCM  
Tel: (84-8)-3915 1368  
Fax: (84-8)-3915 1369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

**Chi nhánh Đà Nẵng**

Tầng 2, Tòa nhà SHB Đà Nẵng, số 06 Nguyễn Văn Linh, Phường Hải Châu, Tp. Đà Nẵng  
Tel: (84-511)-352 5777  
Fax: (84-511)-352 5779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)